

Bản án số: 57/2021/HN-ST

Ngày: 23- 6 - 2021

V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Học

Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Chí Vương
2. Ông Điều Mẫn

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hằng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bình Phước

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thanh Thùy – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 6 năm 2021 Hội đồng xét xử B, trụ sở Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bình Phước, xét xử sơ thẩm, công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 62/2021/TLST- HNGĐ ngày 26/3/2021 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 49/2021/QĐXX- ST ngày 02/6/2021 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bình Phước, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Đỗ Thị Ánh L, sinh năm 1970 (có đơn xin vắng mặt).

- Bị đơn: Ông Lê Xuân L1, sinh năm 1965 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Tổ 7, khu phố 5, thị trấn T, huyện H, tỉnh Bình Phước.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Đỗ Thị Ánh L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Đỗ Thị Ánh L và ông Lê Xuân L1 tự nguyện tìm hiểu và chung sống với nhau từ năm 1992 nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định. Bà và ông L1 chung sống hạnh phúc được 10 năm thì nảy sinh mâu thuẫn; nguyên nhân mâu thuẫn là do ông L1 thường xuyên ăn nhậu, đánh đập bà L và không lo làm ăn, không chăm sóc cho gia đình, hiện hai người không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau nữa. Nay bà L xét thấy tình cảm giữa bà và ông L1

không còn, cuộc sống hôn nhân không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu được ly hôn với ông L1 để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Quá trình chung sống bà L và ông L1 có 03 con chung gồm: Lê Anh Q, sinh ngày 13/12/1992, Lê Quốc V, sinh ngày 07/3/1995 và Lê Trinh Thảo V1, sinh ngày 23/3/2012. Khi ly hôn, bà L yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung Lê Trinh Thảo V1; các con chung Lê Anh Q và Lê Quốc V đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Đỗ Thị Ánh L chưa yêu cầu ông Lê Xuân L1 cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà L khai giữa bà và ông L1 không có tài sản chung; không vay nợ ai và cũng không cho ai vay nợ nên không yêu cầu giải quyết.

Đối với bị đơn Lê Xuân L1: Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án, giải quyết đến khi mở phiên tòa, Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng ông L1 không có mặt tại tòa án để giải quyết vụ án mà không có lý do nên không lấy được ý kiến của ông L1.

Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H phát biểu như sau:

Về tố tụng: Thẩm phán đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự về việc thu thập chứng cứ, giải quyết vụ án từ khi nhận đơn, thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử mở phiên toà. Tại phiên toà hôm nay, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử không công nhận bà Đỗ Thị Ánh L và ông Lê Xuân L1 là vợ chồng; giao con chung Lê Trinh Thảo V1, sinh ngày 23/3/2012 cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng, do bà L chưa yêu cầu cấp dưỡng nên không xem xét; đối với 02 con chung Lê Anh Q, sinh ngày 13/12/1992, Lê Quốc V, sinh ngày 07/3/1995 do đã thành niên nên không xem xét; Về tài sản chung và nợ chung không có nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Đỗ Thị Ánh L khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Lê Xuân L1, bị đơn có nơi cư trú tại tổ 7, khu phố 5, thị trấn T, huyện H, tỉnh Bình Phước; Căn cứ Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì đây là vụ án ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện

H, tỉnh Bình Phước nên Tòa án nhân dân huyện H thụ lý, giải quyết là đúng quy định.

Về sự vắng mặt của đương sự: Bà Đỗ Thị Ánh L và ông Lê Xuân L1 vắng mặt tại phiên tòa, tuy nhiên bà L có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử vẫn tiếp tục xét xử vụ án theo quy định tại Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, ông L1 đã được triệu tập họp lệ lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt, căn cứ theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 Hội đồng xét xử quyết định tiếp tục đưa vụ án ra xét xử.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà L và ông L1 chung sống với nhau từ năm 1992 nhưng không đăng ký kết hôn là vi phạm quy định Điều 11 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 và Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Theo quy định Nghị quyết 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Q Hội về việc thi hành luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 2, chương I, Nghị định số 77/2001/NĐ-CP ngày 22/10/2001 của Chính Phủ quy định chi tiết về đăng ký kết hôn theo Nghị quyết số 35/2000/QH10 thì phải tuyên bố không công nhận bà Đỗ Thị Ánh L và ông Lê Xuân L1 là vợ chồng nên Hội đồng xét xử tuyên bố không công nhận bà Đỗ Thị Ánh L và ông Lê Xuân L1 là vợ chồng.

[2.2] Về con chung: Quá trình chung sống bà L và ông L1 có 03 con chung gồm: Lê Anh Q, sinh ngày 13/12/1992, Lê Quốc V, sinh ngày 07/3/1995 và Lê Trinh Thảo V1, sinh ngày 23/3/2012. Khi ly hôn bà L yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung Lê Trinh Thảo V1, đối với con chung Lê Anh Q và Lê Quốc V do đã thành niên nên không yêu cầu giải quyết.

Hội đồng xét xử nhận thấy, hiện nay bà L và ông L1 không còn chung sống cùng nhau, cháu V1 đang được bà L trực tiếp nuôi dưỡng, cháu V1 cũng có nguyện vọng được ở với mẹ khi ba mẹ không chung sống cùng nhau. Do đó, để đảm bảo ổn định cuộc sống sinh hoạt và việc học hành của con chung, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà Đỗ Thị Ánh L. Giao con chung tên Lê Trinh Thảo V1 cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng; đối với các con chung Lê Anh Q, Lê Quốc V nay đã trưởng thành, bà L không yêu cầu nên không giải quyết.

[2.3] Về cấp dưỡng: Bà L chưa yêu cầu ông L1 cấp dưỡng nuôi con chung nên không xem xét.

[2.4] Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự khai không có, không yêu cầu giải quyết nên không giải quyết.

[3] Về án phí: Bà L phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo luật định.

[4] Về ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tại phiên tòa: Tại phiên tòa ý kiến của đại diện Viện kiểm sát có căn cứ pháp luật, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ nêu trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng vào Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, các Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 11 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000;

Áp dụng các Điều 09, 51, 56, 58, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng Nghị quyết 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Q Hội về việc thi hành luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 2, chương I, Nghị định số 77/2001/NĐ-CP ngày 22/10/2001 của Chính Phủ quy định chi tiết về đăng ký kết hôn theo Nghị quyết số 35/2000/QH10;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Q Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận bà Đỗ Thị Ánh L và ông Lê Xuân L1 là vợ chồng.

- Về con chung: Giao con chung tên Lê Trinh Thảo V1, sinh ngày 23/3/2012 cho bà Đỗ Thị Ánh L trực tiếp nuôi dưỡng.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, việc cấp dưỡng nuôi con.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Đỗ Thị Ánh L chưa yêu cầu nên không xem xét.

- Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự khai không có, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

2. Về án phí: Bà Đỗ Thị Ánh L phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp

theo biên lai thu số 023543 ngày 26/3/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Bình Phước.

3. Quyền kháng cáo:

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử lại vụ án theo trình tự phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND huyện H;
- THA huyện H;
- Dương sự;
- Lưu HS.

TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Đình Học